

Phần Năm: Tư tưởng triết học Hy Lạp

I - NHẬP ĐỀ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC HY LẠP

Mục đích.

Nêu nguyên nhân vì sao tôn giáo chuyển sang triết học ở Hy Lạp. Ý nghĩa nguyên thủy - chân thực - của triết học.

1 - Bước tiến bộ từ tôn giáo sang triết học.

2 - Những yếu tố khoa học trong văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà

3 - Nguồn gốc và cơ sở của triết học và khoa học Hy Lạp.

1 - Từ tôn giáo sang triết học.

Người ta bảo rằng kỳ công của văn minh Hy Lạp là xây dựng được khoa học và triết học, mầm mống cho văn minh hiện tại. Đặc điểm của văn minh đó là lần đầu tiên *thoát khỏi mê tín*; quan điểm vũ trụ mà không phải dựa vào thần thoại và giải

thích trên một lập trường đúng: giải thích sự việc bằng sự việc. Lần đầu tiên xây dựng một nhân sinh quan đặt ý nghĩa đời sống ngoài thần thoại. Tóm lại, là lần thứ nhất tư tưởng nhân loại đạt được lập trường *duy vật*, hiểu sự vật theo ý nghĩa khách quan của nó. Xét sự việc theo quá trình của nó là đạt đến một trình độ *duy lý* (lý: qui luật khách quan của sự phát triển sự vật).

[Sự thực chỉ một số triết gia thoát khỏi mê tín phần nào mà thôi, và cũng thoát ly về phương pháp chứ chưa triệt để].

2 - Những yếu tố khoa học của Ai Cập và Lưỡng Hà.

Văn minh Âu Tây hưởng thụ văn minh Hy Lạp xem như có những đặc tính kỳ lạ tách khỏi truyền thống tư tưởng nhân loại. Nhưng xét trong lịch sử văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà, tuy có ràng buộc trong tôn giáo, nhưng *đã xây dựng được một số yếu tố khoa học đã làm cơ sở cho kỳ công của văn minh Hy Lạp*. Sở dĩ nó không đạt được tới trình độ duy vật và duy lý, vì chỉ là *một số kiến thức có tính chất thực dụng và chuyên nghiệp*: người Ai Cập biết đo diện tích hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật, phương pháp tương đối đúng về diện tích hình tròn), những cách thức tính số (cộng, trừ, nhân gián tiếp bằng cách gấp đôi và cộng), những yếu tố căn bản về thiên văn, lý hóa, kỹ hà thực dụng nhưng chưa có tính chất phổ cập, chưa đi đến lý luận nên tư tưởng chưa thoát khỏi tôn giáo. Về thiên văn chỉ ghi được một số định tính về hành tinh và thống kê thành bảng với tính chất ghi hiện tượng thành số lượng. Những hiện tượng thường xảy ra như nhật nguyệt thực thì theo cấp số, đã lập được một bảng về hình thù vàng trắng qua từng ngày theo hình thức cấp số. Tóm lại, đã có tính chất lý luận, lý trí và đã có thể tiến triển được phần nào: nó xuất hiện với tính chất *lý trí cụ thể*, chưa trừu tượng hóa thành lý luận, hoặc *công thức cũng chỉ nằm trong phạm vi trường hợp cụ thể ấy thôi*, tóm lại còn mang tính chất thực dụng nên *đi đôi với thần bí* trong toán học

cũng như thiên văn, vì còn liên hệ với mê tín nên khoa học là đặc quyền của tầng
lữ và quý tộc, cách tính đã theo lý nhưng *chưa phải là có ý thức*. Trong các phép
tính thường có dẫn chứng (chứa 8 cho đến 10 thành một kết quả, dẫn chứng là
đem kết quả nhân với 10 thành 8 cái bánh)² nhưng vẫn là dẫn chứng trong trường
hợp cụ thể đó thôi.

Kỳ công của khoa học Hy Lạp là *phá tan được tính chất thần bí và thực dụng*,
không bám vào những trường hợp cụ thể lẻ tẻ mà đã đi đến một trình độ trừ
tượng hóa có những dẫn chứng *phổ cập*, về thiên văn đã có thể giải thích được các
hiện tượng, không cần bám vào những vị trí thời gian cụ thể của các tinh tú như
trước. Tính chất thần bí mê tín mất đi, không cần phương thuật, thần thánh để giải
thích mà *đạt được trình độ duy lý*.

«*Khoa học Hy Lạp đạt được sự phổ cập và duy lý là đạt được một bước mới, là
một bước nhảy tuyệt đối, gạt được chủ nghĩa thực dụng và mê tín, đem lại tự do
cho lý trí loài người*», đó là lý luận của các nhà tư tưởng Tây phương mà văn minh
bắt nguồn từ văn minh Hy Lạp, để tách rời văn minh Tây phương và Đông
phương, tuyệt đối hóa văn minh Hy Lạp, xem văn minh Đông phương là có giá trị
nhưng không đem lại tự do lý trí con người. Đó là sự biện chính³ cho lập trường
chính trị của họ. Sự tách rời tuyệt đối đó là kết quả của phương pháp tư tưởng siêu
hình, duy tâm.

Nghiên cứu quan hệ giữa văn minh Đông phương và Tây phương hay nguồn gốc
văn minh Hy Lạp, chúng ta đã đề cập hai vấn đề: Đông phương và Tây phương,
quá trình tư tưởng nhân loại; chúng ta sẽ giải quyết được vấn đề về hai mặt: lập

trường chính trị và phương pháp tư tưởng. Chúng ta còn phải giải quyết được vấn đề «tự do» trong toàn bộ ý nghĩa của nó, vì đất Hy Lạp là nước đầu tiên thực hiện được tự do tư tưởng hoàn toàn (chỉ trong nhân dân thôi). Kỳ công của Hy Lạp chẳng những trong phương diện tư tưởng mà cả trong điều kiện sinh hoạt. «Kỳ công đó hình như đã truyền sang văn minh Tây phương qua đạo Gia Tô, văn minh Hy Lạp, Gia Tô và văn minh Tây phương cận đại là một khối». Đó là quan niệm của các nhà tư tưởng Tây phương. Đó là tầm quan trọng của vấn đề.

Các nhà sử học Âu tây cũng công nhận giá trị của văn minh Lương – Ai, và phần đóng góp của nó đối với văn minh Hy Lạp, một vấn đề đã đến một hình thức lý trí, nhưng không hiểu được quan hệ giữa hai trình độ khác hẳn nhau về «chất» đó, vì họ chỉ đứng trong thượng tầng nên không thấy rõ sự đóng góp của văn minh Đông phương. Chúng ta phải đi sâu vào hạ tầng cơ sở mới thấy được phần đóng góp đó.

(Trong các sách sử học Tây phương, yếu tố lý tính khoa học đi đôi với tự do dân chủ. Họ cho rằng có tự do dân chủ nhờ óc lý tính khoa học.) Người Hy Lạp rất có ý thức về mình, họ công nhận những ảnh hưởng của văn minh Đông phương, nhưng tự xem nền khoa học, triết học của mình là tuyệt đối, dân tộc Hy Lạp là văn minh, dân tộc khác là dã man, tiếng Hy Lạp là tiếng người, các thứ tiếng khác chỉ là tiếng kêu, các dân khác chỉ đáng làm nô lệ cho dân Hy Lạp.

3 - Nguồn gốc và cơ sở của triết học Hy Lạp.

Ai cũng công nhận văn minh Hy Lạp xây dựng trên cơ sở văn minh Đông phương. Nhưng ta phải đi sâu:

1. Tiền Hy Lạp hay trước Homère (2000-1100 tr. CN)
2. Thị tộc sang nô lệ sơ kỳ (thế kỷ XII-VIII tr. CN)
3. Nô lệ sơ kỳ - nô lệ phát đạt (thế kỷ VII-VI tr. CN), phát minh khoa học và triết học.

Trước khi người Hy Lạp sang, đất Hy Lạp bấy giờ đã có một nền văn minh đã phát triển của dân *Crétois* mà xã hội xây dựng trên cơ sở thương mại và cướp bóc. Văn minh xây dựng trên cơ sở học tập văn minh Ai Cập. Kiến trúc và nghệ thuật phát triển.

[Từ 2000 tr. CN, Crète đã văn minh, nhờ buôn bán và cướp bóc mà hưởng thụ được văn minh Ai Cập. Crète còn cướp cả dân tộc dã man lân cận. Từ 1700 tr. CN, dân Mycènes buôn bán và cướp bóc Crète văn minh, 1400 tr. CN tàn phá Crète, 1200 tr. CN. Doriens⁴ dã man hơn Achéens⁵ muốn chiếm Mycènes, Achéens⁶ và Crète, và có một kỹ thuật đồ đồng khá cao]

Chế độ chính trị là không rõ, nhưng chắc đang ở thời kỳ thị tộc bộ lạc, có đi đến nô lệ cũng rất sơ kỳ (ta chưa đọc được chữ của họ). Thế kỷ thứ XVII tr. CN, có những người Hy Lạp đầu tiên Achéens xây dựng trên cơ sở văn minh Crétois, học tập mà xây dựng nên văn minh Mycènes. Đầu thế kỷ thứ XIV tr. CN, vua

Mycènes đánh phá Crète, tàn phá thủ đô văn minh Mycènes, thống trị biển Egée. Cuối thời kỳ này (thế kỷ XII tr. CN), các vua bộ lạc Achéens đi đánh thành Troie (trên Dardanelles) trong một cuộc chiến tranh ghi lại trong lịch sử văn hóa thì tới cuộc chiến tranh 10 năm ghi lại trong hai anh hùng ca *Iliade* và *Odyssée*. Đầu thế kỷ XII tr. CN, một số dân Hy Lạp Dorians tràn sang, làm xã hội trở lại chế độ bộ lạc và một số dân thị thành phải di cư sang Á đông (Tây Tiểu Á), thế kỷ XII tr. CN, xây dựng nên Hy Lạp Á đông, xây dựng một số thành thị và lập nên một nhà nước nô lệ (thế kỷ VIII tr. CN). Công thương nghiệp phát triển, và qua thế kỷ VII tr. CN, thế kỷ VI tr. CN đã xây dựng nên một số nước dân chủ. Thế kỷ thứ VIII tr. CN đã có Homère xây dựng cơ sở văn học Hy Lạp. Thế kỷ thứ VI tr. CN bắt đầu có khoa học và triết học Hy Lạp. Ta thấy văn minh Hy Lạp bắt đầu từ thế kỷ VIII tr. CN, và thành hình thế kỷ VI tr. CN không phải là một bước đầu tuyệt đối mà là một quá trình lâu dài: văn minh Ai Cập – văn minh Crétois - văn minh Mycènes - văn minh Hy Lạp, nó đã hưởng thụ được một số kiến thức căn bản trong các nền văn minh trước (dù trình độ xã hội ở một trình độ thấp kém hơn - còn dấu vết thị tộc nặng nề). Những bộ phận ở Tây Tiểu Á hưởng thụ được nhiều nhất (Crétois, Mycènes - ảnh hưởng trực tiếp của Ai Cập và Phéniciens) nên nó tiến thẳng từ quân chủ bộ lạc qua chiếm hữu nô lệ không theo qui luật lịch sử của Đông phương: quân chủ bộ lạc - quân chủ độc đoán - chiếm hữu nô lệ, mà chỉ qua một giai đoạn quý tộc tư sản và chuyển thẳng sang dân chủ với đấu tranh của nông dân, thương nhân nghèo, đại và trung thương, quý tộc (cho nên không có những yếu tố của quân chủ độc đoán như Pyramide de Kheops, thần mặt trời Aron chẳng hạn).

[Chưa có gì chứng tỏ Mycènes và Crète đã bắt đầu sang nô lệ sơ kỳ. Theo tác phẩm của Homère thì còn ở quân chủ thị tộc, bộ lạc. Có thể quan hệ sản xuất còn lạc hậu, nhưng sức sản xuất đã đi trước nhiều (Người Mường còn ở thời kỳ bộ lạc tan rã đã có thể đi ô tô). Dorius⁵ thắng Mycènes dù trình độ thấp hơn, nhưng có thể

vì đã học tập được kỹ thuật vũ khí của Archéens⁶ và vào lúc xã hội này có nhiều mâu thuẫn và đang đi vào tan rã. Doriens và Achéens đều thuộc Arycus⁷, một dân tộc rất quan trọng trong thế giới sử - đạo Balamas⁸ đẳng cấp. Dân Mycènes sang Tiểu Á lại trở lại bộ lạc tan rã, vì chế độ chiếm hữu nô lệ sơ kỳ chưa có cơ sở, và thành thị ở Tiểu Á chưa có].

Vì thế nên sự phát triển của nó rất nhanh chóng và đặc biệt gặp vào lúc phát triển của kỹ thuật đồ sắt (thế kỷ VII - IV9 tr. CN).

Hệ thống tư tưởng do đó cũng khác. Đông phương đi từ đa thần thị tộc đến thần quyền tuyệt đối của các đế quốc. Hy Lạp thì khác hẳn, chính quyền đi đến quý tộc bán tư sản, không tập trung nên *thần quyền chỉ hệ thống hóa chứ không tập trung*. Quan hệ giữa thần và người không độc đoán mà có tính cách *xã giao mua chuộc*. Thần thánh trong tác phẩm Homère rất giống người ta, chỉ có *sức khoẻ hơn, nhiều phép và bất tử* mà thôi, còn sinh hoạt giống hết sinh hoạt xã hội loài người. Quan hệ cũng có thần bí nhưng không thiêng liêng tuyệt đối, cưỡng bách như Đông phương. Nó cũng là *nguồn gốc của tư tưởng tự do [chế độ có tự do]*. Nó do sự *thành hình đặc biệt của bộ máy Nhà nước không độc đoán, mà có tính chất dân chủ phần nào (giữa quý tộc)*.

Chế độ nô lệ sơ kỳ (thế kỷ VIII tr. CN) không lâu dài mà chuyển nhanh sang chế độ nô lệ phát đạt (thế kỷ VII tr. CN), trong đó quan hệ bóc lột nô lệ nhằm vào sản xuất hàng hóa là chính (mặt công thương nghiệp, khác với sơ kỳ phát triển mặt đại điền trang có lợi cho quý tộc). Sở dĩ như thế vì nó phát triển theo một cơ sở Ai Cập sẵn có và đường lối thực dân các đất đai ở Địa Trung Hải và Hắc Hải - công

thương nghiệp phát triển mạnh, đô thị ở Tây Tiểu Á và bán đảo Hy Lạp thịnh vượng, có một cuộc đấu tranh giữa thương gia với quý tộc, một chế độ dân chủ và lần đầu tiên người thứ dân (đại thắng) được nắm chính quyền.

Khi chưa đủ khả năng thành lập một chế độ dân chủ, xã hội đưa lên một đạo quân để đàn áp quý tộc - thường chia ruộng đất, phát triển văn nghệ - phản ánh thành anh hùng [nhưng không tốt đẹp]. Với Homère, anh hùng tốt đẹp vì rất «người». Mang nhiều nhân cách không tách rời quần chúng. Đặc sắc của nghệ thuật Hy Lạp (điêu khắc và kiến trúc) là *nhằm cái đẹp*. Khác với Đông phương chỉ nhằm cái vĩ đại, to lớn, đàn áp người ta, khác với nghệ thuật Gia Tô to lớn, cao cả mà thân mật (ogive)¹⁰, gây ấn tượng lên cao cả nhưng vẫn ở trong mình. Nó đã từ đàn áp sang thân mật; Cựu Thư nói về Thánh Cha đề cao Thần Luật, pháp luật, còn Tân Ước về Gia Tô đề cao bác ái. Từ thần quyền tuyệt đối chuyển sang Gia Tô qua văn minh tốt đẹp của Hy Lạp. Đối với Hy Lạp, *Đẹp là Đức* và *Đức là Đẹp*. Quan niệm *Tốt đẹp* nguồn gốc là quý tộc, nhưng sau chuyển sang đại chúng đời dân chủ. Một ưu điểm của văn minh Hy Lạp là sự tự nhiên về thời kỳ thiếu nhi (ấu trĩ) của tư tưởng nhân loại mà bây giờ chúng ta không trải qua nữa.

[Khoa học gắn liền với thực dụng sẽ không đi tới trình độ duy lý, vì chỉ quanh quẩn trong lao động cụ thể hay việc tổ chức lao động cụ thể. Chỉ khi nào nhằm một tiêu chuẩn trừu tượng ngoài sự sản xuất cụ thể (tiền = giá trị sản phẩm), trí óc mới phát triển, đòi hỏi một trình độ cao (Aristote kể chuyện Thalès¹¹ tiên đoán mùa ôliu, làm giàu). Thalès nhằm xây dựng kinh tế tiền tệ là một đường lối kinh tế nhằm làm giàu ngoài vòng thực dụng, ngoài sự sản xuất. Lúc xã hội tiến tới nền kinh tế tiền tệ thượng tầng kiến trúc, đầu óc mới suy nghĩ những vấn đề về lý luận, trừu tượng hóa: kinh tế thấp - chưa duy lý -, khoa học thấp, phải dùng thần bí.

Lịch Sử Tư Tưởng trước Marx

- Doriens xâm chiếm Mycènes mà không hưởng thụ được văn minh, vì họ tàn phá hết sạch .
- Di tích văn minh Crète, Mycènes không còn mấy, chỉ còn mấy bức tường rất lớn và những pho tượng về lịch sử (ăn mặc)]

Đặc điểm

Sự biến chuyển từ thị tộc qua nô lệ (thế kỷ XII – VIII tr. CN) thì *không thông qua chế độ quân chủ độc đoán* mà qua một chế độ quý tộc tư sản chủ nô.

- Quá trình xây dựng Nhà nước thành thị Hy Lạp (từ thế kỷ VIII - VI tr. CN). Chiếm hữu nô lệ *đi đôi với sự phát triển của kỹ thuật đồ sắt*, kinh tế tiền tệ và xây dựng trên phong trào thị dân, nhờ đó mà thành thị Hy Lạp là quốc gia độc nhất trong lịch sử cổ đại xây dựng được chế độ dân chủ chủ nô.

- Do đó những thành phần thứ dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp phú thương và thủ công đã được tổ chức thành phe dân chủ, và *phong trào dân chủ được phản ánh bằng những tư tưởng khoa học duy lý, tự do bình đẳng*.

- Nhưng vì dân chủ và văn minh đó căn bản vẫn là dân chủ nô lệ trên cơ sở bóc lột thuộc địa, nên những tư tưởng khoa học duy lý không triệt để, không hoàn toàn

thoát khỏi thành kiến mê tín, và dần dần trở lại tư tưởng mê tín với những hình thái triết học duy tâm và tôn giáo phổ cập.

Kết luận.

Văn minh, đặc biệt là tư tưởng Hy Lạp là một thành tích lớn trong lịch sử tư tưởng nhân loại, nhưng không phải là một tạo tác tuyệt đối. Trong phần chân chính của nó, nó đã đặt mầm mống của tư tưởng duy vật biện chứng, nhưng về phần ấy nó chỉ là một trình độ tổng kết kinh nghiệm cao hơn tổng kết của Đông phương nhưng liên tục với Đông phương. Còn về những hiện tượng hoàn toàn gián đoạn với tư tưởng Đông phương, thì nó là tư tưởng duy lý duy tâm, là phần phản ánh những giới hạn hẹp hòi của văn minh Hy Lạp do chế độ bóc lột người. Chính phần gián đoạn ấy là phần mà những nhà sử học đế quốc đã nêu ra, để giới thiệu văn minh Hy Lạp là một thần tích tuyệt đối, do nó gây một ưu thế tuyệt đối cho văn minh Tây phương, thực ra chính đó là phần hẹp hòi mà cuối cùng nó sẽ phát triển thành tôn giáo, cũng như chế độ nô lệ phát đạt ở Hy Lạp sau hai, ba thế kỷ dân chủ cuối cùng đi tới quân chủ độc đoán.

[1. Ở Ai Cập và Lưỡng Hà, quân chủ độc đoán bắt đầu từ thế kỷ XX tr. CN, mà tới thế kỷ VIII tr. CN Hy Lạp vào chiếm hữu nô lệ không qua quá trình một chúa bộ lạc thôn tính các bộ lạc, mà ngược lại, các tộc trưởng đánh đổ chúa bộ lạc, thành lập quý tộc tư sản; bọn quý tộc tộc trưởng này khác Đông phương và không sống trên cơ sở đại điền trang mà lại là một anh bán tư sản (bỏ vốn vào công thương nghiệp), nên lúc cần tổ chức bộ máy Nhà nước, chính bọn này nắm vì họ có quyền lợi công nghiệp (khác với Đông phương không do quý tộc nắm). Sở dĩ bọn này là